

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC YÊU CẦU HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Bằng và ông Nguyễn Đức Lập

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Hồ Thị Hoa Thiên - Thư ký Tòa án.

Căn cứ vào Điều 71 của Luật trọng tài thương mại;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ kèm theo và Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 45/21 ngày 25/4/2025 của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) tại Hà Nội.

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài của Bên yêu cầu Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) là bị đơn trong Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 45/21 ngày 25/4/2025 với nguyên đơn là Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú.

Các bên tham gia phiên họp xét đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài gồm có:

- Bên yêu cầu:

Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) (GTJA);

Địa chỉ: Phòng 9-10, Tầng 1, Tòa nhà Charm Vit, số 117 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa - quận Cầu Giấy (nay là phường Yên Hòa), thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huang Bo – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc Giao; Địa chỉ: Phòng 506 chung cư Trung Yên 1, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Các luật sư: Nguyễn Quang Tuyền, Trần Anh Tú, Nguyễn Lâm Bình – Công ty Luật TNHH Duy Ích, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh. Địa chỉ: Tầng 4, số 28 Hải Phụng, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

-Bên liên quan:

Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú;

Địa chỉ: Tầng 5, số 179 Trần Hưng Đạo, phường An Hải Bắc - Quận Sơn Trà (nay là phường An Hải), Thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Yang Xiaowei – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Mạnh, Ông Nguyễn Thế Hùng, bà Nguyễn Thị Mến, Bà Lại Thị Diệu Thùy.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 1502A, Tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ VIỆC NHƯ SAU

Ngày 28/5/2021, Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (Sau đây gọi tắt là VIAC) nhận được Đơn khởi kiện của Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (Sau đây gọi tắt là Công ty Việt Tú hoặc nguyên đơn) về việc khởi kiện Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là Công ty chứng khoán Guotai Junan hoặc bị đơn) về việc tranh chấp liên quan đến hợp đồng ủy thác tìm kiếm đối tác chiến lược.

Theo đó, giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng ủy thác tìm kiếm đối tác chiến lược với nội dung bị đơn ủy quyền cho nguyên đơn tìm đối tác chiến lược có tư cách, năng lực tài chính mua 56 triệu cổ phiếu phát hành riêng lẻ trong đợt tăng vốn lần 2 của bị đơn, cụ thể: Vốn điều lệ hiện nay: 340.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ mục tiêu: 900.000.000.000 đồng – 1.600.000.000.000 đồng.

Ngày 22/10/2019, bị đơn được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 64/GPDC-UBCK đối với Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, ghi nhận vốn điều lệ mới là 693.500.000.000 đồng.

Ngày 16/7/2021, bị đơn được đổi tên từ Công ty Cổ phần chứng khoán đầu tư Việt Nam (Tên viết tắt là IVS) thành: Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) theo Giấy phép điều chỉnh số 55/GPDC-UBCK của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trên cơ sở đó, ngày 31/3/2020, nguyên đơn gửi Công văn cho bị đơn yêu cầu thanh toán thù lao theo hợp đồng ủy thác đã ký. Ngày 14/5/2020 bị đơn có công văn số 84/2020/CV-IVS có nội dung không xác định được bất kỳ chấp thuận nội bộ nào cho phép ký kết hợp đồng ủy thác nên không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 18/5/2020, nguyên đơn tiếp tục gửi Công văn số 05/2020/CV-VT cho bị đơn yêu cầu bị đơn thanh toán thù lao với tổng số tiền là 28.280.000.000 đồng (Hai mươi tám tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) nhưng bị đơn không thanh toán.

Vì vậy, ngày 10/5/2021, nguyên đơn làm đơn khởi kiện bị đơn đến VIAC (**Đơn khởi kiện thứ nhất**) về việc khởi kiện liên quan đến hợp đồng ủy thác ngày **02/01/2018** và đưa ra các yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền cụ thể:

- Thù lao theo hợp đồng ủy thác là 28.280.000.000 đồng;
- Tiền vi phạm hợp đồng 32.239.200.000 đồng;
- Tiền phạt 28.280.000.000 đồng;

- Phí thuê luật sư tương đương với 10% của 88.799.200.200 đồng và chi phí đi lại là 100 triệu đồng.

Ngày 26/2/2022, nguyên đơn làm đơn khởi kiện sửa đổi (**Đơn khởi kiện thứ hai**) khởi kiện liên quan đến hợp đồng ủy thác ngày **02/7/2018** và đưa ra các yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền cụ thể:

- Tiền thù lao ủy thác 28.280.000.000 đồng;
- Tiền vi phạm 47.510.400.000 đồng;
- Tiền phạt 28.280.000.000 đồng;
- Phí luật sư và phí đi lại 10.507.040.000 đồng;
- Phí trọng tài.

Đến ngày 10/4/2023, nguyên đơn tiếp tục nộp đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung (**Đơn khởi kiện thứ ba**) và đưa ra các yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền cụ thể:

- Thù lao theo hợp đồng ủy thác là 28.280.000.000 đồng;
- Tiền lãi chậm thanh toán từ 29/10/2019 đến 26/2/2022 là 48.132.560.000 đồng;
- Tiền phạt vi phạm là 56.560.000.000 đồng;
- Phí trọng tài 1.628.227.000 đồng và phí luật sư 864.000.000 đồng;

Sau khi nhận đơn khởi kiện, HĐTT đã được thành lập. Các bên không phản đối về thành phần HĐTT cuối cùng để giải quyết vụ việc như đã thể hiện trong phán quyết;

Do các bên có tranh chấp về thẩm quyền trọng tài, bị đơn cho rằng HĐTT không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Ngày 22/12/2022, HĐTT đã ban hành Quyết định về thẩm quyền trọng tài, theo đó xác định HĐTT có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp giữa các bên.

Ngày 25/4/2025, Hội đồng trọng tài đã ban hành Phán quyết liên quan đến vụ tranh chấp số 45/21 giữa nguyên đơn và bị đơn và quyết định:

- Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 28.280.000.000 đồng là tiền phí môi giới ;

- Bị đơn phải trả lãi chậm trả trên số tiền 28.280.000.000 đồng tính từ ngày 30/10/2019 đến ngày 25/3/2025 (ngày tổ chức phiên họp giải quyết tranh chấp) với tỷ lệ 20%/năm theo điều 468.1 Bộ luật dân sự 2015, trị giá 30.588.887.671 đồng.

- Bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 882.560.000 đồng phí luật sư, công chứng, dịch thuật và chi phí thừa phát lại;

- Bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 791.440.409 đồng là một phần của phí trọng tài, tương ứng với giá trị của phí môi giới, một phần chi phí pháp lý và các chi phí có liên quan, và tiền lãi chậm trả được chấp nhận được tính đến ngày diễn ra phiên họp giải quyết vụ tranh chấp;

Ngoài ra, phán quyết còn quyết định về nghĩa vụ thanh toán đối với bị đơn theo phán quyết và hậu quả của việc không thanh toán.

Không đồng ý với Quyết định của phán quyết trọng tài, ngày 26/6/2025 bị đơn là Công ty chứng khoán Guotai Junan làm đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, bên yêu cầu là Công ty chứng khoán Guotai Junan (do người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Bị đơn cho rằng trong quá trình tiến hành tố tụng trọng tài cũng như tại Phán quyết trọng tài và Quyết định về thẩm quyền Hội đồng trọng tài đã có nhiều vi phạm tố tụng thuộc các quy định của điều 68, điều 4, điều 18.2 Luật trọng tài thương mại 2010, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Hội đồng trọng tài vẫn giải quyết tranh chấp khi các bên không có thỏa thuận trọng tài.

HĐTT đã chấp nhận cho nguyên đơn 03 lần thay đổi nội dung đơn khởi kiện dựa trên những hợp đồng ủy thác khác nhau mà nguyên đơn không chứng minh được là những hợp đồng này được ký kết hợp pháp với bị đơn.

Đối với hợp đồng ngày 02/01/2018 thì đây là hợp đồng chưa được xác thực vì con dấu đóng vào hợp đồng nay không tồn tại và địa chỉ được đề cập đến là địa chỉ mà bị đơn chuyển đến sau ngày 02/01/2018. Sau khi được bị đơn chỉ ra những điểm bất hợp lý thì nguyên đơn đã có đơn khởi kiện thứ hai đề ngày 26/02/2022. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng chính xác là 02/7/2018 nhưng do lỗi văn thư nên ghi nhầm thành 02/01/2018.

Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện từ hợp đồng ngày 02/01/2018 sang hợp đồng ngày 02/7/2018, bị đơn thấy rằng nguyên đơn thay đổi toàn bộ cơ sở khởi kiện mà không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh theo quy định. Bị đơn nhiều lần đệ trình các văn bản phản đối thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, phản đối việc nguyên đơn sửa đổi và/hoặc bổ sung đơn khởi kiện, đồng thời phản đối thẩm quyền giải quyết bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hợp đồng ngày 02/7/2018 của HĐTT – vốn chỉ được thành lập dựa trên cơ sở của hợp đồng ủy thác ngày 02/01/2018.

Nguyên đơn cho rằng chính nguyên đơn đã thực hiện hợp đồng ủy thác (ngày 02/7/2018) thông qua việc giới thiệu Guotai Holdings cho bị đơn nhưng điều này là bất hợp lý vì thực tế bị đơn và Guotai Holdings đã biết và có quan hệ từ trước khi ký hợp đồng ủy thác ngày 02/7/2018. Bằng chứng là bị đơn và Guotai Holdings đã ký kết một bản ghi nhớ vào ngày 16/5/2018 về việc Guotai Holdings sẽ mua cổ phần trong đợt chào bán của bị đơn để trở thành cổ đông của bị đơn (IVS). Do đó, không có cơ sở pháp lý để bị đơn và nguyên đơn lại ký kết một hợp đồng ủy thác tìm kiếm đối tác chính là Guotai Holdings vào ngày 02/7/2018.

Tại đơn khởi kiện lần thứ 3, nguyên đơn cũng cho rằng đã tồn tại một thỏa thuận bằng lời nói giữa ông Đoàn Ngọc Hoàn (nguyên Tổng giám đốc của IVS) và ông Yang Xiao Dong được giao kết tại một thời điểm không xác định trong năm 2017. Bị đơn thấy rằng một HĐTT được thành lập trên cơ sở hợp đồng 02/01/2018 hay hợp đồng 02/7/2018 không thể có thẩm quyền giải quyết bất cứ tranh chấp phát sinh từ và/hoặc liên quan đến một thỏa thuận bằng lời nói. Tuy nhiên, sau đó, chính nguyên đơn lại thay đổi lập trường của mình bằng công văn số 8551 ngày 06/2/2024, theo đó khẳng định không có bất kỳ thỏa thuận bằng lời nói hoặc bằng văn bản nào trước khi ký kết hợp đồng ủy thác mà không đưa ra bất kỳ lời giải thích thỏa đáng nào cho sự thay đổi đột ngột và mâu thuẫn với lập luận trước đó của chính mình.

Sự mâu thuẫn trong quan điểm của nguyên đơn nêu trên đã cho thấy sự nghi vấn về tính xác thực của các đơn khởi kiện, sự tồn tại thực tế của Hợp đồng ủy thác chưa xác thực cũng như về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài.

Sau khi HĐTT ban hành quyết định về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, bị đơn có nhiều lần phản đối thẩm quyền của Hội đồng trọng tài. Tại phiên họp giải quyết vụ tranh chấp, bị đơn cũng chính thức có ý kiến phản đối về thẩm quyền của HĐTT cũng như các lập luận liên quan đến nội dung vụ tranh chấp.

Bị đơn nhiều lần đề nghị HĐTT yêu cầu nguyên đơn nộp hợp đồng ủy thác gốc và đề nghị HĐTT cho giám định, kiểm tra những hợp đồng này, cũng như chữ viết của đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh Tú trên hợp đồng nhưng HĐTT không đáp ứng những đề nghị này của bị đơn bất kể bị đơn luôn phản đối thẩm quyền của HĐTT trong suốt quá trình tố tụng trọng tài. Việc HĐTT không chấp nhận các yêu cầu của bị đơn về kiểm tra, giám định hợp đồng ủy thác là vi phạm nghiêm trọng quyền tố tụng của bị đơn, làm cho bị đơn trở thành bên bị thiệt hại rất nặng nề do không được thực hiện quyền tố tụng của mình. Cụ thể là HĐTT đã tuyên buộc bị đơn phải thanh toán phí dịch vụ là 28.280.000.000 đồng và chịu lãi suất với giá trị lớn gấp 1,08 lần tiền phí dịch vụ (30.588.887.671 đồng) ngoài ra còn phí luật sư 882.560.000 đồng và một phần tiền phí trọng tài là 791.440.409 đồng.

Vì vậy, căn cứ Điều 68.2.a đề nghị Tòa án tuyên hủy phán quyết trọng tài

Thứ hai: Thỏa thuận trọng tài vô hiệu do người xác lập không có thẩm quyền.

Tại mục 130 và 131 Phán quyết trọng tài, HĐTT thừa nhận hợp đồng ủy thác “Cần phải có sự chấp thuận của HĐQT hoặc ĐHCĐ”, nói cách khác là người đại diện ký kết hợp đồng ủy thác phải có được sự chấp thuận của HĐQT hoặc ĐHCĐ. Tại mục 134 phán quyết trọng tài, HĐTT cũng thừa nhận rằng “Không có một bằng chứng nào chứng minh rằng Hợp đồng ủy thác đã được chấp thuận bởi HĐQT hoặc ĐHCĐ của bị đơn”

Bị đơn khẳng định rõ ràng: IVS không tìm thấy bất kỳ quyết định hay văn bản nội bộ nào cho phép ông Đoàn Ngọc Hoàn – nguyên Tổng giám đốc – đại diện IVS ký kết hợp đồng ủy thác và bị đơn cũng khẳng định rằng không có bất kỳ sự chấp thuận nào của HĐQT hoặc ĐHCĐ của bị đơn để chứng minh sự chấp thuận nội bộ cho việc ký kết hợp đồng ủy thác. Điều này cho thấy, người đại diện của bị đơn không có thẩm quyền ký kết hợp đồng ủy thác đồng nghĩa với việc không có thẩm quyền xác lập điều khoản thỏa thuận trọng tài. HĐTT viện dẫn điều 142.1 và 143.1 Bộ luật dân sự 2015 để cho rằng hợp đồng vẫn có hiệu lực là không đúng.

Thứ ba: HĐTT vượt thẩm quyền khi giải quyết quan hệ pháp luật liên quan tới hợp đồng ủy thác.

HĐTT đã vượt quá thẩm quyền khi gộp quan hệ pháp lý giữa cá nhân với pháp nhân (Ông Yang và nguyên đơn) vào quan hệ hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện sự bất thường, có lợi cho nguyên đơn, gây thiệt hại cho bị đơn.

Tại phán quyết trọng tài, HĐTT nhiều lần xác nhận giao dịch tại hợp đồng ủy thác là giao dịch với người có liên quan (ông Yang). HĐTT đã cố tình không nhìn nhận một thực tế là không có một bằng chứng nào về việc ông Yang tham gia vào quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng trong khi đó chính HĐTT đã viện dẫn: “Ông Yang đã thừa nhận rằng ông với tư cách cá nhân, cung cấp dịch vụ cho bị đơn và đã tạo lập

Việt Tú để thực hiện hợp đồng ủy thác và để bảo vệ lợi ích của ông đối với việc trả phí” (Đoạn 131). Vậy thì vì sao ông Yang không tự khởi kiện bị đơn để bảo vệ lợi ích của mình? Khi cung cấp dịch vụ cho bị đơn thì ông Yang đã đạt được những thỏa thuận gì với bị đơn về phí môi giới, về điều kiện thanh toán phí dịch vụ? Những công việc mà cá nhân ông Yang thực hiện tại sao lại bị đánh đồng vào nghĩa vụ đã thực hiện của nguyên đơn theo hợp đồng ủy thác?

Có thể khẳng định rằng bản chất của hợp đồng ủy thác là quan hệ phát sinh giữa hai pháp nhân (IVS và Việt Tú). Còn quan hệ thực tế giữa bị đơn với ông Yang là quan hệ phát sinh giữa cá nhân ông Yang với IVS. Ông Yang không khởi kiện IVS. Quan hệ giữa ông Yang với IVS không thể phát sinh từ hợp đồng ủy thác.

Việc HĐTT gắn quan hệ thực tế giữa bị đơn với cá nhân ông Yang vào quan hệ hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là việc làm trái pháp luật. HĐTT không có quyền tài phán đối với quan hệ phát sinh trên thực tế, không dựa trên bất kỳ hợp đồng nào giữa bị đơn với ông Yang. Do vậy, thẩm quyền của HĐTT vụ tranh chấp số 45/21 nếu có chỉ có thể trong phạm vi đối với quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn theo hợp đồng ủy thác. HĐTT không có quyền tài phán đối với quan hệ giữa bị đơn và ông Yang nên việc xem xét giao dịch với người liên quan là vượt quá thẩm quyền của HĐTT

Thứ tư: HĐTT mở phiên họp riêng ban hành Quyết định về thẩm quyền trọng tài là không đúng. Vi phạm quyền tố tụng của bị đơn.

Ngày 22/12/2022, HĐTT đã ban hành Quyết định về thẩm quyền trọng tài khi không tổ chức phiên họp có mặt của các bên là vi phạm tố tụng mặc dù trước và sau ngày 22/12/2022, các bên vẫn đang tranh cãi về thẩm quyền, bị đơn vẫn có tuyên bố phản đối thẩm quyền của HĐTT và yêu cầu giám định, kiểm tra hợp đồng, chứng cứ. HĐTT không tận tâm thực hiện quyền xác minh, làm rõ sự việc tranh chấp theo quy định tại Điều 45 Luật TTTM nên căn cứ Điều 4 và Điều 68.2 Luật TTTM đề nghị Tòa án hủy Phán quyết trọng tài.

Thứ năm: HĐTT không khách quan, thiên vị trong việc tiếp nhận, đánh giá chứng cứ và lập luận được đệ trình.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, HĐTT không đảm bảo sự khách quan, công bằng và không đảm bảo quyền được trình bày của bị đơn, cụ thể:

Suốt quá trình tố tụng trọng tài, nguyên đơn đã được trao đầy đủ cơ hội để trình bày vụ tranh chấp của mình. HĐTT không đặt ra bất cứ thời hạn nào cho nguyên đơn đệ trình đơn khởi kiện, các bản sửa đổi đơn khởi kiện, bản ý kiến và các tài liệu, chứng cứ. Quá trình thẩm vấn ông Yang, HĐTT yêu cầu ông Yang bổ sung chứng cứ và ông Yang đã đồng ý nhưng ông Yang cũng không đệ trình chứng cứ này cho HĐTT mà không bị chế tài gì. Tuy nhiên, với bị đơn thì HĐTT lại không áp dụng tương tự. Cụ thể: HĐTT cho rằng chứng cứ về thiệt hại là nghiêm trọng thì bị đơn phải yêu cầu bị đơn nộp bổ sung tài liệu, không giống như cách HĐTT đã làm với nguyên đơn

Hành vi này của HĐTT thể hiện sự bất bình đẳng trong cách điều hành tố tụng khi HĐTT tạo điều kiện tối đa cho nguyên đơn trình bày và sửa đổi yêu cầu khởi kiện trong khi không đảm bảo quyền bình đẳng của IVS trong việc bảo vệ lập luận và cung cấp chứng cứ.

HĐTT đã vi phạm nguyên tắc HĐTT phải độc lập, khách quan, vô tư theo khoản 2 điều 4 luật TTTM và nguyên tắc các bên tranh chấp đều bình đẳng về

quyền và nghĩa vụ theo khoản 3 điều 4 Luật TTTM. Đây là những nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam nên đề nghị Tòa án hủy phán quyết trọng tài theo điều 4, điều 68.2 Luật TTTM.

Thứ sáu: HĐTT chấp nhận hành vi của nguyên đơn, vi phạm điều cấm của pháp luật:

Nguyên đơn thừa nhận rằng để thực hiện hợp đồng ủy thác ngày 02/7/2018 thì nguyên đơn đã huy động hơn 100 tỷ đồng cho nhân viên của mình vay nhằm mua lại cổ phần từ cổ đông của IVS để đảm bảo nắm giữ 65% tỷ lệ quyền chi phối quyết định tại Đại hội đồng cổ đông.

Hành vi này của nguyên đơn vi phạm điều cấm của Luật, cụ thể theo điều 9 Luật chứng khoán quy định các hành vi bị cấm bao gồm:

“Sử dụng thông tin nội bộ để mua, bán chứng khoán cho chính mình hoặc cho người khác; và tiết lộ, cung cấp thông tin nội bộ hoặc tư vấn cho người khác mua, bán chứng khoán trên cơ sở thông tin nội bộ”

Ông Yang đã thừa nhận rằng ông tin rằng những thông tin liên quan đến dự án chào bán cổ phiếu riêng lẻ giữa Guotai Holdings và IVS nếu bị tiết lộ sẽ ảnh hưởng đến giá chứng khoán của IVS nên những thông tin này phải là các thông tin nội bộ. Nguyên đơn đã lợi dụng thông tin này để thực hiện việc mua chứng khoán cho nhân viên hoặc cung cấp thông tin để nhân viên thực hiện việc mua bán chứng khoán. Đây là hành vi vi phạm nghiêm trọng điều cấm của Luật chứng khoán.

Từ những phân tích trên, bị đơn đề nghị Tòa án tuyên hủy phán quyết trọng tài theo quy định tại điểm a, c, d khoản 2 điều 68 Luật Trọng tài thương mại;

Bên liên quan trình bày:

Công ty Việt Tú (nguyên đơn) cho rằng yêu cầu của bị đơn về việc hủy phán quyết trọng tài là vô lý và cần bị bác bỏ vì toàn bộ các quan điểm của bị đơn đưa ra trên cơ sở cung cấp thông tin phản ánh không khách quan, không đầy đủ, cố tình diễn giải sai nội dung của phán quyết. Cụ thể như sau:

- Thỏa thuận trọng tài có tồn tại:

Mặc dù có sự nhầm lẫn trong đơn khởi kiện lần thứ nhất về ngày của hợp đồng (02/01/2018 nhưng thực tế là 02/7/2018) nhưng thực tế nguyên đơn luôn luôn khởi kiện vụ tranh chấp dựa trên một hợp đồng duy nhất là hợp đồng ủy thác ký ngày 02/7/2018. Việc sửa đổi đơn khởi kiện của bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 điều 14 quy tắc VIAC, khoản 2 điều 37 Luật Trọng tài thương mại. Trong vụ tranh chấp này, luôn chỉ tồn tại duy nhất một bản hợp đồng ủy thác ngày 02/7/2018. Bị đơn liên tục cho rằng một lỗi sai văn thư để nài ra sự tồn tại một hợp đồng không có thật là một việc làm nhằm cố tình đánh lạc hướng với mong muốn gây nhầm lẫn cho HĐTT.

Quá trình giải quyết tranh chấp, bị đơn còn nộp một bản dịch công chứng của hợp đồng ủy thác. Theo quy định tại khoản 2 điều 61 Luật công chứng 2014 thì khi công chứng bản dịch, công chứng viên cần tiếp nhận bản chính của văn bản cần dịch. Như vậy, nếu bị đơn không giữ bản gốc của Hợp đồng ủy thác thì cũng không thể cung cấp được bản dịch công chứng của tài liệu. Như vậy, bị đơn hoàn toàn biết và phải biết về sự tồn tại của Hợp đồng ủy thác và còn giữ bản gốc của hợp đồng này. Tuy nhiên, bị đơn liên tục yêu cầu HĐTT yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản

gốc của hợp đồng ủy thác và thực hiện giám định. HĐTT đã ban hành riêng một văn bản để xem xét và bác bỏ các yêu cầu của bị đơn (chỉ thị 1355 ngày 07/9/2022). Bị đơn đã sở hữu bản gốc và biết rõ sự tồn tại của hợp đồng ủy thác nhưng cố tình tỏ ra không biết để tìm cách chối bỏ nghĩa vụ thanh toán phí ủy thác theo hợp đồng ủy thác.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ tranh chấp, nguyên đơn chỉ viện dẫn hợp đồng ủy thác là tài liệu duy nhất làm căn cứ khởi kiện mà không cung cấp bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận miệng nào khác làm căn cứ khởi kiện. Trên cơ sở đó, thỏa thuận trong tại giữa nguyên đơn và bị đơn tồn tại dưới dạng văn bản tại Điều 10 Hợp đồng ủy thác là phù hợp với quy định tại điều 16 Luật TTTM 2010.

- Thỏa thuận trọng tài có hiệu lực và ràng buộc các bên.

Theo quy định của Điều 19 Luật trọng tài thương mại thì thỏa thuận trọng tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng, kể cả khi thỏa thuận trọng tài là một điều khoản của hợp đồng. Vào thời điểm ký kết hợp đồng ủy thác, thỏa thuận trọng tài được ký kết bởi người đại diện theo pháp luật của các bên nên theo quy định thỏa thuận trọng tài có hiệu lực ràng buộc các bên. Bị đơn đánh đồng hiệu lực của hợp đồng với hiệu lực của thỏa thuận trọng tài là vô lý, suy diễn và không có căn cứ.

HĐTT áp dụng quy định của Bộ luật dân sự khi xem xét vấn đề về thẩm quyền của người đại diện ký kết hợp đồng hoàn toàn không mâu thuẫn với quy định của Luật TTTM bởi lẽ khoản 2 điều 18 Luật TTTM quy định một trong những trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu là người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, pháp luật không quy định thế nào là “có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”. Theo khoản 3 điều 4 Luật thương mại 2005, hoạt động thương mại không được quy định trong Luật thương mại và trong các luật khác thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự. Bên cạnh đó, theo Điều 4 Bộ luật dân sự 2015, bộ luật này là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự và luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Luật này. Do vậy, tất cả các quy định của pháp luật liên quan tới vấn đề thẩm quyền sẽ được xem xét để áp dụng, bao gồm cả Bộ luật dân sự 2015.

Điểm b khoản 1 điều 142, điểm b khoản 1 điều 143 Bộ luật dân sự 2015 quy định về việc giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện hoặc do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện vẫn có hiệu lực trong trường hợp người được đại diện biết mà không phản đối trong thời hạn hợp lý. Thực tế, không có bất kỳ bằng chứng nào cho thấy bị đơn đã thể hiện bất cứ sự phản đối nào về việc ký hợp đồng ủy thác với lý do thiếu chấp thuận nội bộ vào khoảng thời gian ký kết hợp đồng.

Tại phiên họp giải quyết tranh chấp, ông Li, Chủ tịch HĐQT của bị đơn tại thời điểm đó đã thừa nhận sau khi nhận được tin nhắn của ông Yang về việc yêu cầu bị đơn thanh toán thù lao cho nguyên đơn thì ông Li đã tổ chức cuộc họp HĐQT về vấn đề này nhưng sau đó bị đơn không có bất kỳ phản đối nào về hiệu lực của hợp đồng ủy thác với lý do thiếu sự chấp thuận nội bộ.

- Hội đồng trọng tài không vượt quá thẩm quyền khi viện dẫn đến vai trò của ông Yang trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng ủy thác. Nguyên đơn đề nghị

Tòa án không xem xét đến các nội dung này theo khoản 4 điều 71 Luật TTTM 2010 vì đây là các vấn đề liên quan đến nội dung tranh chấp mà HĐTT đã giải quyết.

Trong quá trình tố tụng tại trọng tài, chính bị đơn đưa ra lập luận về việc gắn vai trò của ông Yang vào quan hệ hợp đồng giữa hai bên. Tuy nhiên, HĐTT vẫn xem xét lập luận của bị đơn là giả định ông Yang là một bên của hợp đồng để đánh giá hiệu lực của hợp đồng. Tuy nhiên, kể cả trường hợp giao dịch với người có liên quan, HĐTT vẫn xác định rằng, căn cứ khoản 4 điều 162 Luật doanh nghiệp 2014, Hợp đồng ủy thác không vô hiệu bởi bị đơn đã không thể chứng minh được bất kỳ thiệt hại thực tế nào vì khoản tiền mà bị đơn phải thanh toán theo phán quyết không được xem là thiệt hại phát sinh do lỗi của bị đơn mà phát sinh từ hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn theo hợp đồng ủy thác. Đoạn 49 của đơn yêu cầu, bị đơn đã thừa nhận bị đơn ký hợp đồng với nguyên đơn chứ không có quan hệ hợp đồng với ông Yang. Do vậy, tranh chấp giữa hai bên hoàn toàn thuộc thẩm quyền của HĐTT

Thực tế, trước khi có sự hỗ trợ và giúp đỡ của nguyên đơn, bị đơn đã từng tăng vốn nhưng không thành công vì không thể tự tìm kiếm nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phiếu do bị đơn phát hành nên phải tìm đến sự giúp đỡ của nguyên đơn.

- Việc ban hành quyết định về thẩm quyền không vi phạm quy định về tố tụng trọng tài.

Luật TTTM và Quy tắc VIAC đều không quy định rõ về việc HĐTT phải mở phiên họp trước khi ban hành quyết định về thẩm quyền. Vì vậy, HĐTT ban hành quyết định về thẩm quyền trước phiên họp giải quyết nội dung vụ tranh chấp là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và không cấu thành bất kỳ vi phạm về thủ tục nào.

HĐTT đã dành cho các bên nhiều cơ hội và thời gian (07 tháng) để trình bày ý kiến liên quan đến thẩm quyền. Tại phiên họp giải quyết tranh chấp, bị đơn cũng không đưa ra được lập luận nào mới về vấn đề phản đối thẩm quyền của HĐTT nên HĐTT ban hành quyết định về thẩm quyền không làm phương hại đến quyền tố tụng của bị đơn.

- Việc đánh giá hồ sơ chứng cứ của HĐTT được thực hiện một cách công bằng và khách quan.

Quá trình giải quyết tranh chấp, HĐTT cho các bên có cơ hội ngang nhau trong việc trình bày, bổ sung hoặc sửa đổi ý kiến. Bị đơn cũng tự sửa đổi, bổ sung bản tự bảo vệ. Thực tế, HĐTT không tạo thuận lợi hơn cho nguyên đơn trong việc sửa đổi, bổ sung ý kiến hoặc nộp tài liệu. HĐTT chưa từng đưa ra bất cứ ràng buộc nào về giới hạn thời gian cũng như số lượng văn bản đệ trình của cả hai bên trong quá trình tranh luận kéo dài hơn 4 năm.

HĐTT chỉ xem xét vụ việc trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu mà các bên cung cấp. Về yêu cầu tuyên hợp đồng ủy thác vô hiệu thì bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh thiệt hại để chứng minh lập luận của mình là đúng nhưng bị đơn đã không thể thực hiện được. Tới cuối phiên họp trước khi HĐTT tuyên bố phiên họp cuối cùng, bị đơn cũng không hề nêu ý kiến rằng muốn bổ sung tài liệu. Theo quy định tại khoản 4 điều 25 quy tắc VIAC, HĐTT không có nghĩa vụ phải xem xét bất cứ tài liệu nào sau phiên họp cuối cùng. Chính bị đơn đã từ chối việc trình bày hoặc bổ sung tài

liệu để chứng minh cho yêu cầu của mình nên bị đơn cho rằng HĐTT không cho bị đơn cơ hội đầy đủ để trình bày là không đúng.

- Phán quyết trọng tài không có nội dung vi phạm điều cấm của pháp luật:

HĐTT đã nhận định không có đủ hồ sơ, tài liệu để chấp nhận lập luận của nguyên đơn về hoạt động cho nhân viên vay tiền để mua cổ phiếu nên đã “không tính đến nó vào phân tích này”. HĐTT đã tự nhận định và chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn mà không xem xét, đánh giá hoạt động cho nhân viên vay tiền để mua cổ phiếu. Việc này trái ngược hoàn toàn với những gì mà bị đơn đã cáo buộc rằng HĐTT đã công nhận hành vi này là một phần của việc thực hiện hợp đồng.

Về vấn đề nhận định bản chất môi giới của hợp đồng ủy thác, nguyên đơn cho rằng các vấn đề này thuộc về việc giải quyết nội dung của vụ tranh chấp nên đề nghị Tòa án không xem xét theo quy định tại khoản 4 điều 71 Luật TTTM.

- Không có quy định pháp luật nào bắt buộc đối với Hội đồng trọng tài trong việc viện dẫn căn cứ pháp lý.

Luật TTTM và các văn bản hướng dẫn về hình thức và nội dung của phán quyết không có bất cứ yêu cầu nào buộc HĐTT phải trích dẫn điều luật tại một phần đặc định nào đó trong phán quyết.

Tại các phần nhận định của HĐTT đều có nêu và trích dẫn đầy đủ căn cứ pháp lý cho nhận định của mình. Mặt khác, không có bất kỳ quy định nào tại điều 68 Luật TTTM buộc phán quyết bị hủy khi không trích dẫn quy định pháp luật tại phần nhận định cuối cùng.

Từ những phân tích trên, các lập luận của bị đơn về việc đề nghị hủy phán quyết trọng tài của bên yêu cầu là không có căn cứ nên nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét đơn không chấp nhận yêu cầu hủy phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 45/21 ngày 25/4/2025 của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam.

Tại phiên họp xét đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài:

Bên yêu cầu trình bày: Bên yêu cầu giữ nguyên yêu cầu đề nghị Hội đồng xét đơn hủy Phán quyết trọng tài.

Bên liên quan trình bày: Bên liên quan giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án và đề nghị Hội đồng xét đơn không chấp nhận Đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng, đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Bên yêu cầu đã nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý là đúng thẩm quyền.

Về yêu cầu hủy phán quyết trọng tài:

XÉT THẤY

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 45/21 ngày 25/4/2025 của Hội đồng trọng tài và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ

Thị Mến, Bà Lại Thị Diệu Thùy tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân TP Hà Nội liên quan đến yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của CÔNG TY CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN. Thấy rằng, việc tham gia tố tụng tại phiên họp giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là quyền và nghĩa vụ của đương sự. Công ty Việt Tú cho rằng Công ty phải tham gia một phiên tòa khác nên không tham gia phiên họp trọng tài được. Lý do này của Công ty Việt Tú không phải là lý do khách quan và bất khả kháng nên không là căn cứ để Hội đồng xét đơn hoãn phiên họp. Trường hợp Công ty Việt Tú không tham gia phiên họp vì lý do này được coi là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về lý do Công ty Việt Tú cho rằng thời điểm nghỉ lễ Quốc Khánh của Việt Nam đang đến gần nên người đại diện theo pháp luật và một số người đại diện theo ủy quyền của Công ty Việt Tú không thể có mặt vào tuần đầu của sau ngày nghỉ lễ trên. Hội đồng xét đơn thấy rằng lý do này không liên quan đến việc Hội đồng xét đơn mở phiên họp vào ngày 27/8/2025.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét đơn thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hoãn phiên họp hôm nay của Công ty TNHH Việt Tú và Hội đồng xét đơn tiếp tục giải quyết vụ việc theo quy định.

Về yêu cầu hủy Phán Quyết Trọng Tài:

Khoản 4 điều 71 Luật trọng tài thương mại quy định: “Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn... không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng trọng tài đã giải quyết”. Vì vậy, Hội đồng xét đơn chỉ xem xét về thẩm quyền trọng tài, thủ tục tố tụng trọng tài, việc thu thập, sử dụng, đánh giá tài liệu, chứng cứ và việc ban hành phán quyết của Hội đồng trọng tài có trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hay không mà thôi.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, ý kiến của các bên trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Hội đồng xét đơn thấy:

Tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng ủy thác tìm đối tác chiến lược ngày 02/7/2018 được ký kết giữa một bên là Công ty Cổ phần chứng khoán đầu tư Việt Nam (IVS) (Sau này đổi tên là Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) do ông Đoàn Ngọc Hoàn đại diện theo pháp luật và một bên là Công ty Cổ phần đầu tư Việt Tú (sau này đổi tên là Công ty TNHH Việt Tú) do bà Nguyễn Thanh Tú – Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật.

Ngay từ thời điểm nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, tại VIAC thì bị đơn đã có ý kiến phản hồi liên quan đến hợp đồng ủy thác tìm đối tác chiến lược mà nguyên đơn khởi kiện là hợp đồng ngày **02/01/2018**. Bị đơn nghi ngờ về sự tồn tại của hợp đồng này và cho rằng hợp đồng này là không xác thực do con dấu không có hiệu lực pháp lý vào ngày 02/1/2018 và địa chỉ của bị đơn chuyển đến sau ngày 02/01/2018.

Ngay sau đó, nguyên đơn có đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung, theo đó xác nhận việc ghi ngày của hợp đồng là 02/01/2018 là một sự nhầm lẫn do “lỗi văn thư” và xác nhận thực chất ngày của hợp đồng là **02/7/2018**. Kèm theo đó, nguyên đơn

việc, ý kiến của những người được triệu tập đến phiên họp và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội, Hội đồng xét đơn nhận thấy:

Về tố tụng:

Ngày 25/4/2025, VIAC ban hành Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 45/21 giữa Nguyên đơn: Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú và Bị đơn: Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam). Khoản 1 điều 69 Luật Trọng tài thương mại quy định: “Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài, nếu một bên có đủ căn cứ để chứng minh được rằng Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật này, thì có quyền làm đơn gửi Tòa án có thẩm quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.” Ngày 28/4/2025, bị đơn nhận được phán quyết trọng tài vụ tranh chấp nêu trên. Đến ngày 26/5/2025, bị đơn đã nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đến Văn phòng Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nên Hội đồng xét đơn xác định là đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài của các bị đơn nằm trong thời hạn luật định.

Về thẩm quyền: Do phán quyết được VIAC tiến hành tố tụng và ban hành tại Hà Nội nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý yêu cầu xin hủy phán quyết trọng tài là phù hợp điều 31, 37 Bộ luật tố tụng dân sự

Về đề nghị xin hoãn phiên họp của bên liên quan:

Ngày 26/8/2025, Hội đồng xét đơn nhận được đơn đề nghị hoãn phiên họp xét đơn của Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú – là bên liên quan trong vụ việc đề nghị hoãn phiên họp xét đơn với lý do bên yêu cầu chưa hoàn tất việc mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Công ty Việt Tú không thể tham dự phiên họp ngày 27/8/2025 vì người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải tham gia một phiên tòa khác, ngoài ra thời điểm nghỉ lễ Quốc Khánh của Việt Nam đang đến gần nên người đại diện theo pháp luật và một số người đại diện theo ủy quyền của Công ty Việt Tú không thể có mặt vào tuần đầu sau ngày nghỉ lễ trên.

Xét các lý do đề nghị hoãn phiên họp của Công ty Việt Tú thấy:

Ngày 13/8/2025, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã mở phiên họp xét yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của CÔNG TY CHỨNG KHOÁN GUOTAI JUNAN. Tại phiên họp này, Hội đồng xét đơn đã quyết định hoãn phiên họp để bên yêu cầu hoàn thiện thủ tục người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Ngày 20/8/2025, Tòa án tiếp tục mở phiên họp xét đơn lần thứ 2. Tại phiên họp, đại diện bên yêu cầu và bên liên quan đều có mặt và bên yêu cầu đã nộp bổ sung một số thủ tục liên quan đến việc mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Đến trước phiên họp hôm nay, phía bên yêu cầu đã hoàn thiện đầy đủ thủ tục ủy quyền, thủ tục mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định nên đề nghị hoãn phiên họp hôm nay để bên yêu cầu hoàn thiện thủ tục người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên yêu cầu là không có căn cứ. Mặt khác, việc mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là quyền của bên yêu cầu, không ảnh hưởng gì đến quyền và nghĩa vụ của bên liên quan.

Theo văn bản ủy quyền gửi Tòa án thì về phía bên liên quan là Công ty Việt Tú có ủy quyền cho: Ông Nguyễn Đức Mạnh, Ông Nguyễn Thế Hùng, bà Nguyễn

cung cấp bản tuyên bố của bà Nguyễn Thanh Tú (đại diện theo pháp luật của Công ty Việt Tú), theo đó, bà Tú cam đoan chỉ ký duy nhất hợp đồng ngày 02/7/2018.

Hội đồng xét đơn thấy rằng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn liên quan đến hợp đồng ủy thác tìm kiếm đối tác chiến lược. Theo đơn khởi kiện ban đầu (ngày 10/5/2021), nguyên đơn xác định là hợp đồng ngày **02/01/2018**. Việc xác định ngày 02/01/2018 được nguyên đơn thể hiện tại trang 3 và trang 8 đơn khởi kiện ngày 10/5/2021 gửi VIAC. Thấy rằng, việc xác định đối tượng khởi kiện là tiền đề giải quyết toàn bộ nội dung tranh chấp giữa các bên. Nguyên đơn cho rằng đó là do lỗi văn thư, tuy nhiên bị đơn nhiều lần đề nghị HĐTT làm rõ việc tồn tại hay không tồn tại hợp đồng ngày 02/01/2018, cụ thể: Bị đơn nhiều lần đề nghị HĐTT yêu cầu nguyên đơn nộp Hợp đồng ủy thác gốc và HĐTT cho giám định, kiểm tra những hợp đồng này cũng như chữ viết của bà Nguyễn Thanh Tú trên hợp đồng này. Mặc dù, HĐTT đã có chỉ thị số 1355/VIAC ngày 07/9/2025 để xem xét và giải quyết các yêu cầu này nhưng tại phiên họp giải quyết tranh chấp, bị đơn cũng tiếp tục đưa ra yêu cầu này nhưng HĐTT không giải quyết và nhận định về những đề nghị này của bị đơn trong phán quyết là chưa xem xét, làm rõ toàn bộ yêu cầu của các bên. Để làm rõ tính xác thực của hợp đồng ngày 02/01/2018, HĐTT chấp thuận đề nguyên đơn nộp bản cam đoan của bà Nguyễn Thanh Tú nhưng HĐTT không giải quyết các đề nghị của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn nộp Hợp đồng ủy thác gốc và đề nghị giám định, kiểm tra những hợp đồng này cũng như chữ viết của bà Nguyễn Thanh Tú trên hợp đồng và xác định sai sót do lỗi đánh máy là chưa khách quan và đảm bảo công bằng về quyền và nghĩa vụ tố tụng giữa hai bên.

Các bên tranh chấp trong vụ việc này là IVS (tại thời điểm ký hợp đồng ngày 02/7/2018) và Công ty Việt Tú. Đối tượng tranh chấp là hợp đồng ủy thác được các bên ký kết ngày 02/7/2018. Tuy nhiên, Hội đồng trọng tài đã đề cập và nhận định về vai trò của ông Yang Xiao Dong (Tại thời điểm ký hợp đồng ủy thác là Chủ tịch HĐQT của nguyên đơn nhưng cũng là cổ đông của bị đơn) liên quan đến việc ký hợp đồng ủy thác, cụ thể tại các đoạn 128,131,132,133,135 của phán quyết trọng tài. Theo đó, HĐTT đã nhận định “Trong bối cảnh này, Hội đồng Trọng tài đồng ý rằng giao dịch dự kiến tại Hợp đồng ủy thác có thể được xem là giao dịch với người có liên quan của bị đơn. Ông Yang đã thừa nhận rằng ông, với tư cách cá nhân, cung cấp dịch vụ cho bị đơn và đã “tạo lập” Việt Tú để thực hiện hợp đồng ủy thác và để bảo vệ lợi ích của ông đối với việc trả phí. Ông cũng thừa nhận việc đại diện cho một số thành viên của HĐQT của Bị đơn. Như vậy, ông Yang được xem là người có liên quan của một số thành viên HĐQT, và do đó chịu sự điều chỉnh của quy định về giao dịch với người có liên quan theo Luật Doanh Nghiệp 2014” (Đoạn 131). HĐTT cũng cho rằng “... các cáo buộc cho rằng giao dịch này có thể liên quan đến việc thao túng quyền biểu quyết, có khả năng gây bất lợi cho các cổ đông không biết về giao dịch... Tuy nhiên, những vấn đề này không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài. Do đó, Hội đồng Trọng tài sẽ không đưa ra thêm nhận định hoặc quyết định nào liên quan đến vấn đề này” (đoạn 133). Tuy nhiên, sau đó,

HĐTT lại cho rằng “Căn cứ theo Điều 162.4, việc thiếu chấp thuận nội bộ không phải là điều kiện làm vô hiệu giao dịch với người có liên quan nếu giao dịch đó không gây thiệt hại cho Công ty” và sau này, HĐTT vẫn tiếp tục nhận định liên quan đến việc thực hiện giao dịch của ông Yang (Đoạn 144). Hội đồng xét đơn thấy rằng, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp giữa pháp nhân với pháp nhân (IVS và Công ty Việt Tú), quá trình thực hiện, xúc tiến ký kết hợp đồng không làm thay đổi bản chất của quan hệ tranh chấp này. Mặt khác, ông Yang không có yêu cầu gì trong vụ tranh chấp này và nếu có cũng không được giải quyết trong cùng vụ việc này tại HĐTT vì không có thỏa thuận trọng tài nhưng HĐTT vẫn căn cứ Điều 162.4 để cho rằng việc thiếu chấp thuận nội bộ không phải là điều kiện làm vô hiệu giao dịch với người có liên quan (ông Yang) là không đúng và vượt quá thẩm quyền của mình nên yêu cầu của bị đơn về việc đề nghị hủy phán quyết trọng tài theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 68 Luật Trọng tài thương mại là có căn cứ.

Về việc áp dụng pháp luật:

1. Bị đơn cho rằng thời điểm ký kết hợp đồng ủy thác, ông Đoàn Ngọc Hoàn (đại diện theo pháp luật của IVS) không đủ thẩm quyền để ký kết hợp đồng do không được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của bị đơn. Đoạn 129 phán quyết thể hiện: “Hội đồng trọng tài ghi nhận lập luận của bị đơn về việc hợp đồng ủy thác đặt ra yêu cầu về chấp thuận của ĐHCĐ (Đại hội đồng cổ đông) từ phía Bị đơn, vì đây là một giao dịch nhằm tăng vốn điều lệ và sử dụng thặng dư vốn cổ phần từ đợt phát hành riêng lẻ và chấp thuận của HĐQT (Hội đồng quản trị) của bị đơn đối với giao dịch từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của bị đơn”.

Điểm d khoản 2 điều 135 Luật doanh nghiệp 2014 quy định về thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông: “Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác”.

Điểm h khoản 2 điều 149 Luật doanh nghiệp 2014 quy định quyền của Hội đồng quản trị: “Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác”.

HĐTT cũng nhận định: giao dịch trong Hợp đồng ủy thác nằm ngoài phạm vi hoạt động kinh doanh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc (thời điểm ký hợp đồng ủy thác ông Đoàn Ngọc Hoàn là Tổng Giám đốc IVS) và sẽ cần có sự chấp thuận của HĐQT hoặc ĐHCĐ.

Như vậy, theo quy định nêu trên, việc ông Đoàn Ngọc Hoàn (người đại diện theo pháp luật của IVS) ký hợp đồng ủy thác với Công ty Việt Tú (môi giới để bán cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ từ 340 tỷ lên 693, 5 tỷ) khi chưa được sự chấp thuận

của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của IVS là không đúng thẩm quyền.

HĐTT đã nhận định mặc dù thiếu các chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và/ hoặc HĐQT của bị đơn nhưng không có bất kỳ sự phản đối nào đã củng cố sự tồn tại của quyền đại diện theo bề ngoài theo quy định tại điều 142.1 và điều 143.1 Bộ luật dân sự 2015 (Đoạn 139).

Hội đồng xét đơn thấy rằng: Hoạt động liên quan đến các doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp nên theo quy định của pháp luật thì Luật Doanh nghiệp (luật chuyên ngành) phải được ưu tiên áp dụng.

Tuy nhiên, HĐTT lại viện dẫn điểm b khoản 1 điều 142 và điểm b khoản 1 điều 143 Bộ luật dân sự 2015 để cho rằng giao dịch do người không có quyền đại diện xác lập, người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện vẫn có hiệu lực khi “Người được đại diện biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý” là không đúng. Đặc biệt trong nhiều trường hợp người đại diện theo pháp luật tự ý xác lập giao dịch nhân danh pháp nhân (người được đại diện) làm mất đi quyền phản đối của người được đại diện liên quan đến giao dịch mà họ nhân danh pháp nhân để ký kết. Đồng thời, tại đoạn 140, HĐTT có quan điểm “Hội đồng Trọng tài không đồng ý với cách giải thích Điều 142.3 và Điều 143.3 Bộ luật dân sự”. Quan điểm này của HĐTT là trái quy định khi pháp luật đã quy định rõ: Người đã giao dịch với người không có quyền đại diện có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự đã xác lập.

2. Trọng vụ việc này, tranh chấp giữa các bên liên quan đến hợp đồng ủy thác tìm đối tác chiến lược ngày 02/7/2018 giữa Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) và Công ty Việt Tú. Vì vậy, Luật nội dung được áp dụng là Luật chứng khoán 2006 (sửa đổi bổ sung năm 2010).

Theo đó, mục 20 điều 6 Luật chứng khoán 2006 (sửa đổi bổ sung năm 2010) quy định: “*Môi giới chứng khoán là việc làm trung gian thực hiện mua, bán chứng khoán cho khách hàng*”.

Tại Điều 2 của hợp đồng ủy thác có nội dung: “Bên A (IVS) ủy thác cho bên B (Việt Tú) tìm đối tác chiến lược có tư cách, năng lực tài chính **mua 56 triệu cổ phiếu** phát hành riêng lẻ trong đợt tăng vốn lần 2 của bên A”.

Như vậy, theo lời thừa nhận của các bên cũng như điều 2 hợp đồng ủy thác thì rõ ràng rằng Việt Tú làm trung gian môi giới chứng khoán để bên A có đủ điều kiện tăng vốn lần 2.

Nghiệp vụ môi giới chứng khoán nêu trên của nguyên đơn (Công ty Việt Tú) là một trong các hình thức kinh doanh chứng khoán được quy định tại khoản 19 điều 6 Luật chứng khoán 2006. Cụ thể: *Kinh doanh chứng khoán là việc thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng*

khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Theo quy định của pháp luật thì nghiệp vụ môi giới chứng khoán phải được cấp phép bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Mục 4 điều 1 Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi bổ sung Luật chứng khoán 2006 quy định về bổ sung khoản 5 Điều 9 (Các hành vi bị cấm) như sau:

“5. Thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoặc chấp thuận.”

Theo đăng ký kinh doanh của Công ty Việt Tú và lời thừa nhận của đại diện Công ty Việt Tú thì Công ty Việt Tú không đủ điều kiện để thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, không được cấp giấy phép, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo quy định.

Tuy nhiên, tại các lời khai và lời trình bày tại phiên họp giải quyết tranh chấp tại HĐTT thì đại diện nguyên đơn đều cho rằng nguyên đơn đã hoàn thành việc tìm đối tác chiến lược để mua cổ phiếu giúp bị đơn tăng vốn điều lệ mới lên mức 693.500.000.000 đồng và trên cơ sở đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán phí môi giới theo hợp đồng đã ký kết.

Như vậy, nguyên đơn đã thực hiện việc môi giới chứng khoán khi chưa được cấp phép là đã thực hiện một trong các hành vi bị cấm theo quy định tại khoản 5 điều 9 Luật chứng khoán 2006 (Sửa đổi bổ sung năm 2010) như đã nêu trên.

Thực tế, ông Yang và Công ty Việt Tú đều có lời khai trước khi IVS ký hợp đồng ủy thác môi giới chứng khoán với Công ty Việt Tú thì ông Yang đã nhiều lần môi giới chứng khoán để nhà đầu tư mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ của IVS. Như vậy, về bản chất, việc thành lập pháp nhân là Công ty Việt Tú chỉ để hợp pháp hóa và an toàn cho hoạt động môi giới chứng khoán của ông Yang. Thấy rằng hành vi này của cá nhân ông Yang cũng như của Công ty Việt Tú là vi phạm điều cấm của pháp luật (hoạt động khi chưa được cấp phép bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền).

Vì vậy, Hội đồng trọng tài khi giải quyết vụ việc chưa xem xét đầy đủ, áp dụng đúng quy định của Luật chứng khoán như Hội đồng xét đơn đã phân tích nêu trên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét đơn thấy rằng HĐTT đã áp dụng pháp luật nội dung (Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán 2006 (sửa đổi bổ sung 2010) không đúng dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa khách quan và chưa đảm bảo quyền lợi của các bên là vi phạm một trong các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam nên phán quyết trọng tài vụ tranh chấp 45/21 đã vi phạm điểm đ khoản 2 điều 68 Luật Trọng tài thương mại. Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của bên yêu cầu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và phù hợp quy định của pháp luật

Về lệ phí: Bên yêu cầu phải chịu lệ phí xét đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ khoản 2 Điều 31, Điều 37, Điều 414, Điều 415 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điểm c, đ khoản 2 Điều 68, Điều 69, Điều 71 và Điều 72 Luật trọng tài thương mại;

- Luật chứng khoán 2006 (Sửa đổi bổ sung năm 2010);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) về việc đề nghị hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 45/21 ngày 25/4/2025 của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC).

Hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 45/21 ngày 25/4/2025 giữa Nguyên đơn: Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú và Bị đơn: Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam).

2. Về lệ phí: Công ty Cổ phần chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng lệ phí yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 079282 ngày 12/6/2025 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các bên đương sự, Hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- HĐTT VIAC;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, VP, TKT.



Nguyễn Xuân Tuấn